

Bản án số: 130/2023/HS-PT
Ngày: 28/6/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Kim Khánh.

Các Thẩm phán: Ông Trương Công Bình và ông Nguyễn Ngọc Sâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 134/2023/TLPT-HS ngày 23 tháng 5 năm 2023, đối với bị cáo Trịnh Ngọc Q phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Do có kháng cáo của bị cáo Trịnh Ngọc Q và người đại diện hợp pháp của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 95/2023/HSST ngày 14/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

*** Bị cáo có kháng cáo: Trịnh Ngọc Q**, sinh năm 1982 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn B, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 07/12; con ông ông Trịnh Ngọc Q, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960; cùng trú tại thôn B, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Kim K, sinh năm 1983 và có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2016;

Tiền án, tiền sự: Không;

Hiện bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:** Ông Trần Vũ T, sinh năm 1985.

Người đại diện hợp pháp của ông T: Bà Nguyễn Thị H (mẹ đẻ). (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Luật sư Phạm Thị T - Văn phòng Luật sư Mai T, Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: Đường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

*** Người kháng cáo:** Bị cáo Trịnh Ngọc Q và đại diện hợp pháp của bị hại bà Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung

vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 03/2021, ông Trần Vũ T hỏi vay tiền của Trịnh Ngọc Q, thì Q đồng ý và cho ông T vay số tiền 5.000.000 đồng với lãi suất 2.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày trong thời hạn 03 tháng, Q nói cho ông T biết lãi suất nêu trên thì ông T đồng ý. Tuy nhiên, đến khi hết hạn trả nợ thì Q không liên lạc được với ông T để đòi nợ số tiền gốc và lãi khoảng 3.000.000 đồng. Vào ngày 30/01/2022, bà Nguyễn Thị H (là mẹ ruột của ông T) gọi điện cho Q nói Q đến nhà bà H để lấy tiền mà ông T nợ nêu trên. Ngày 31/01/2022, Q đến nhà ông T tại thôn B, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk gặp bà H. Tại đây, bà H đã trả cho Q số tiền nợ gốc 5.000.000 đồng nhưng không trả số tiền lãi, Q yêu cầu phải trả thêm số tiền lãi nhưng bà H không đồng ý. Đến khoảng 14 giờ 00 phút cùng ngày, Q tiếp tục liên hệ với ông T và qua nhà gặp ông T để yêu cầu trả số tiền lãi khoảng 3.000.000 đồng còn lại, nhưng khi gặp thì ông T không đồng ý trả nên cả hai xảy ra mâu thuẫn cãi nhau. Do bức tức về việc ông T không trả tiền nên Q dùng tay đánh nhiều cái vào vùng mặt, vùng đầu của ông T gây thương tích. Cùng lúc này, ông T nhặt được 01 thanh kim loại hình hộp chữ nhật dài khoảng 40cm ở dưới đất đánh về hướng Q để tự vệ nhưng không gây thương tích gì cho Q. Lúc này, Q bức xúc nên tiếp tục lao vào dùng tay, chân đánh ông T. Sau đó, Q bỏ đi ra ngoài đứng, còn ông T đứng trong sân, hai bên tiếp tục thách thức đòi đánh nhau nhưng được người dân xung quanh can ngăn nên Q bỏ về. Ông T bị chảy nhiều máu và nằm cạnh giếng ở nền sân nhà, rồi được người thân đưa đến Bệnh viện đa khoa vùng T chữa trị thương tích. Sau khi sự việc xảy ra, ông T có biểu hiện mất ngủ, nói nhảm, quậy phá, căng thẳng và hoang tưởng nên bà H đã đưa đi điều trị tại Bệnh viện tâm thần tỉnh Đắk Lắk.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 392/TgT-TTPY, ngày 25/4/2022, của Trung tâm Pháp y tỉnh Đắk Lắk, kết luận thương tích của ông Trần Vũ T:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương để lại sẹo đuôi cung mày phải, bờ gọn, kích thước 2cm x 0,1cm.
- Vết thương để lại sẹo đuôi mắt phải, bờ gọn, kích thước 1cm x 0,1cm.

2. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là:

- Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích sau khi tổng hợp (cộng) các tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do từng thương tích theo phương pháp xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể quy định tại Điều 4 Thông tư 22/2019/TT-BYT (Quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể trong giám định Pháp y...ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế) hiện tại là: 6% (sáu phần trăm).

3. Vật tác động: Vật tày, cứng.

4. Cơ chế hình thành thương tích:

- Vết thương để lại sẹo đuôi cung mày phải, bờ gọn; vết thương để lại sẹo đuôi mắt phải, bờ gọn là do tác động trực tiếp của vật tày, cứng hướng từ trước ra sau, từ trên xuống dưới, từ phải qua trái.

Tại bản Kết luận giám định Pháp y tâm thần theo trung cầu, số 218/KLGD,

ngày 14/10/2022 của Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực Tây Nguyên:

1. Kết luận: Trần Vũ T, sinh năm: 1985; Giới tính: Nam; Thường trú tại: Thôn B, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Kết luận về y học:

+ Trước, trong khi xảy ra vụ việc đánh nhau vào ngày 31/01/2022, Trần Vũ T bị bệnh: Rối loạn không biệt định về hành vi và nhân cách (F68-ICD.10).

+ Sau khi xảy ra vụ việc đánh nhau vào ngày 31/01/2022 và hiện tại (tại thời điểm giám định), Trần Vũ T bị bệnh: Hội chứng sau chấn động não (F07.2-ICD.10)

+ Rối loạn không biệt định về hành vi và nhân cách (F68-ICD.10)

+ Tỷ lệ phần trăm tổn thương do Hội chứng sau chấn động não của Trần Vũ T là: 10,34% (mười phẩy ba mươi bốn phần trăm).

- Kết luận về khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi:

+ Trước, trong, sau khi xảy ra vụ việc đánh nhau vào ngày 31/01/2022 và hiện tại (tại thời điểm giám định), Trần Vũ T: Hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

Tại bản Kết luận giám định Pháp y tâm thần theo trung cầu giám định bổ sung, số 262/KLGD, ngày 01/12/2022 của Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực Tây Nguyên:

1. Kết luận: Trần Vũ T, sinh năm: 1985; Giới tính: Nam; Thường trú tại: Thôn B, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Kết luận về y học:

+ Trần Vũ T bị: “Hội chứng sau chấn động não (F07.2-ICD.10)” là do bị thương tích vào ngày 31/01/2022.

+ Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể: $T = T1 + T2$.

T1: Tổn thương cơ thể của Trung tâm Pháp y tỉnh Đắk Lắk giám định là: 06%.

T2: $(100 - 6) \times 11\% = 10,34\%$ (mười phẩy ba mươi bốn phần trăm).

+ Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 16% (Mười sáu phần trăm).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 95/2023/HSST ngày 14/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trịnh Ngọc Q phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm k khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trịnh Ngọc Q: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày thi hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự; các điều 584, 585, 590 Bộ luật dân sự 2015:

+ Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Trần Vũ T và người đại diện bà Nguyễn Thị H: Buộc Trịnh Ngọc Q có trách nhiệm bồi thường cho ông Trần Vũ T số tiền 43.709.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 4.000.000 đồng đã tự

nguyên bồi thường. Trịnh Ngọc Q còn phải tiếp tục bồi thường cho ông Trần Vũ T số tiền 39.709.000 đồng (Ba mươi chín triệu bảy trăm lẻ chín ngàn đồng).

Áp dụng quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất đối với các khoản tiền phải trả nêu trên trong giai đoạn thi hành án dân sự khi bị hại có yêu cầu.

+ Bác một phần yêu cầu của ông Trần Vũ T (người đại diện bà Nguyễn Thị H) yêu cầu Trịnh Ngọc Q bồi thường 64.159.862 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/4/2023, bị cáo Trịnh Ngọc Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 28/4/2023, đại diện hợp pháp của bị hại bà Nguyễn Thị H kháng cáo đề nghị tăng mức hình phạt đối với bị cáo Q và yêu cầu tăng mức bồi thường.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trịnh Ngọc Q và đại diện hợp pháp của bị hại bà Nguyễn Thị H giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện như nội dung bản án hình sự sơ thẩm đã nêu.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo và khẳng định bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố B xét xử bị cáo Trịnh Ngọc Q về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Xét mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là thỏa đáng với tính chất, mức độ mà bị cáo gây ra. Vì vậy không có căn cứ để tăng nặng hoặc giảm nhẹ tránh nhiệm hình sự mà cần giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt.

Xét kháng cáo của người đại diện hợp pháp cho bị hại yêu cầu tăng mức bồi thường thì thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã tính toán các khoản chi phí hợp lý về hóa đơn thuốc, tổn thất tinh thần và các khoản chi phí hợp lý khác để buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại là phù hợp với quy định của pháp luật, nên kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại là không có cơ sở để chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 355, Điều 356 – Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại – Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố B.

Bị cáo không tranh luận, bào chữa gì mà chỉ xin Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị hại trình bày ý kiến tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại.

Đại diện viện kiểm sát đối đáp và giữ nguyên quan điểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai

của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập, đánh giá có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 14 giờ ngày 31/01/2022, tại nhà ông Trần Vũ T tại thôn B, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, xuất phát từ việc ông T vay tiền mà không trả tiền lãi cho bị cáo, nên hai bên xảy ra cãi vã, xô xát, bị cáo Q liền dùng tay, chân đánh ông T, ông T lấy cây kim loại đánh lại bị cáo. Hậu quả bị hại bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 16%. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trịnh Ngọc Q và kháng cáo đề nghị tăng mức hình phạt của bà Nguyễn Thị H là đại diện hợp pháp của bị hại, thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự có khung hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm tù, với tỷ lệ thương tích từ 11% đến 30%. Trong khi đó, bị cáo đã gây thương tích cho bị hại 16%, đồng thời đã xem xét áp dụng các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên mức hình phạt 01 năm 06 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi bị cáo đã thực hiện. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo về phần hình phạt của bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[3] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị H là người đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị tăng mức bồi thường, thì thấy:

Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường cho bị hại tổng số tiền là 43.709.000 đồng, trong đó: Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, viện phí thăm khám điều trị 5.829.000 đồng. Chi phí hợp lý cho việc đi lại khám và điều trị 2.340.000 đồng. Chi phí hợp lý cho việc bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe 5.000.000 đồng. Thu nhập bị mất của bị hại trong 54 ngày điều trị là 10.800.000 đồng. Thu nhập bị mất của 01 người chăm sóc là 10.800.000 đồng. Bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần 8.940.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm đại diện hợp pháp bị hại không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới, nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo tăng mức bồi thường của bà Nguyễn Thị H.

[4] Các quyết định khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trịnh Ngọc Q và người đại diện hợp pháp của bị hại bà Nguyễn Thị H: Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 95/2023/HSST ngày 14/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

về phần hình phạt và phần trách nhiệm dân sự.

[2] Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

- Tuyên bố: Bị cáo Trịnh Ngọc Q phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm k khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trịnh Ngọc Q 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày thi hành án.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự; các điều 584, 585, 590 Bộ luật dân sự 2015:

+ Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Trần Vũ T và người đại diện bà Nguyễn Thị H: Buộc Trịnh Ngọc Q có trách nhiệm bồi thường cho ông Trần Vũ T số tiền 43.709.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 4.000.000 đồng đã tự nguyện bồi thường. Trịnh Ngọc Q còn phải tiếp tục bồi thường cho ông Trần Vũ T số tiền 39.709.000 đồng (Ba mươi chín triệu bảy trăm lẻ chín ngàn đồng).

Áp dụng quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất đối với các khoản tiền phải trả nêu trên trong giai đoạn thi hành án dân sự khi bị hại có yêu cầu.

+ Bác một phần yêu cầu của ông Trần Vũ T (người đại diện - bà Nguyễn Thị H) yêu cầu Trịnh Ngọc Q bồi thường 64.159.862 đồng.

[4] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trịnh Ngọc Q phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối Cao;
- TAND Cấp cao
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- VP CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. Buôn Ma Thuột;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Kim Khánh